

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **85** /2021/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **07** tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi,
cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-
CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự
các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với
chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn
áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;*

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo tại trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Yên Bái, gồm:

- a) Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;
- b) Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp;
- c) Kỳ thi chọn học sinh giỏi, chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia;
- d) Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện;
- đ) Chuẩn bị, tham gia các kỳ thi chọn đội tuyển và thi Olympic khu vực, quốc tế;
- e) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Yên Bái được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Nội dung và mức chi

Nội dung và mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi nêu tại Khoản 1 Điều 1 cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận: *HN*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh (tự kiểm tra văn bản);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số **85** /2021/NQ-HĐND ngày **07** tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	MỨC CHI								GHI CHÚ	
			Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/huyện các môn văn hóa					Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác				
			Kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp trường
Kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia	Các kỳ thi khác											
1	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của các Hội đồng/Ban để tổ chức các kỳ thi											
1.1	Hội đồng/Ban ra đề											
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày		540		540	430	540	430	340	270	
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày		490		490	390	490	390	310	250	
	Ủy viên, Thư ký vòng trong	Người/ngày		360		360	290	360	290	230	180	
	Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày		270		270	210	270	210	170	140	
	Bảo vệ vòng trong	Người/ngày		270		270	210	270	210	170	140	
	Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày		180		180	140	180	140	110	90	
1.2	Hội đồng/Ban in sao đề											
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	500	500		500	400	500	400	320	260	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	MỨC CHI									GHI CHÚ
			Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/huyện các môn văn hóa					Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác				
Kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa	Cấp tỉnh		Cấp huyện	Cấp trường				
Kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia	Các kỳ thi khác											
1.5	Ban Thư ký Hội đồng thi											
	Trưởng ban	Người/ngày	500						400	320	260	
	Phó Trưởng ban	Người/ngày	450						360	290	230	
	Ủy viên	Người/ngày	330						260	210	170	
1.6	Hội đồng/Ban coi thi											
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	450	450	540	450	360	450	360	290	230	
	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	400	490	400	320	400	320	260	210	
	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	300	300	360	300	240	300	240	190	150	
	Công an, bảo vệ	Người/ngày	180	180	180	180	140	180	140	110	90	
1.7	Ban/Tổ làm phách											
	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	500	500		500	400	500	400	320	260	
	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	450	450		450	360	450	360	290	230	
	Ủy viên, Thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	330	330		330	260	330	260	210	170	
	Ủy viên, thư ký vòng ngoài	Người/ngày	250	250		250	200	250	200	160	130	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	250	250		250	200	250	200	160	130	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	MỨC CHI									GHI CHÚ
			Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/huyện các môn văn hóa					Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác				
			Kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa	Cấp tỉnh		Cấp huyện	Cấp trường	
								Kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia	Các kỳ thi khác			
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	180	180		180	140	180	140	110	90	
1.8	Hội đồng/Ban chấm thi, chấm phúc khảo, chấm thẩm định											
	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	500	500		500	400	500	400	320	260	
	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	450		450	360	450	360	290	230	
	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	330	330		330	260	330	260	210	170	
	Nhân viên phục vụ, Công an, bảo vệ	Người/ngày	180	180		180	140	180	140	110	90	
2	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly											
2.1	Tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	30	30		30	30	30	30	30	30	

[illegible]

[illegible]

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	MỨC CHI									GHI CHÚ
			Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/huyện các môn văn hóa					Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác				
			Kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa	Cấp tỉnh		Cấp huyện	Cấp trường	
								Kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia	Các kỳ thi khác			
5.2	Tiền công đối với câu hỏi											
	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu		35					35	30	25	
	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu		30					30	25	20	
	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu		25					25	20	15	
	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu		20					20	15	10	
	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu		5					5	5	5	
5.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm											
	Chủ trì	Người/ngày		720								
	Thành viên	Người/ngày		540								
6	Tiền công chấm thi (bài tự luận, bài nói, bài thực hành, bài tin học, bài trắc nghiệm)	Người/ngày	500	500		540	430	540	430	340	270	

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	MỨC CHI								GHI CHÚ	
			Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/huyện các môn văn hóa					Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác				
			Kỳ thi tốt nghiệp THPT	Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cấp trường
								Kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia	Các kỳ thi khác			
7	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi, chấm phúc khảo, chấm thẩm định bài thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt	240	240		240	200	240	200	160	130	
8	Tập huấn các đội tuyển tham gia dự thi chọn học sinh giỏi (Áp dụng thuê giáo viên địa phương)											
8.1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày			100	100	100	100				
8.2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy = 3 tiết)	Người/ngày			1.000	800	640	800				
8.3	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy = 3 tiết)	Người/ngày			1.200	1.000	800	1.000				
8.4	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày			400	330	270	330				

[illegible]

